

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục 35 thủ tục hành chính cấp tỉnh và 02 thủ tục hành chính cấp xã mới ban hành và bãi bỏ 23 thủ tục hành chính cấp tỉnh trong lĩnh vực Địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 239/TTr-SNN&MT ngày 29 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **37** thủ tục hành chính mới ban hành và bãi bỏ **23** thủ tục hành chính cấp tỉnh trong lĩnh vực Địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

1. Mới ban hành

- **35** (ba mươi lăm) thủ tục hành chính cấp tỉnh.
- **02** (hai) thủ tục hành chính cấp xã.

2. Bãi bỏ: **23** thủ tục hành chính cấp tỉnh đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2025.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật công khai đầy đủ danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính đã được công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

2. Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường niêm yết công khai đầy đủ danh mục tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

3. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ cách thức thực hiện của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng quy trình nội bộ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và xây dựng quy trình điện tử trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC, Phòng KTN;
- Lưu: VT, 06.PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN						
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1		Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	30 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; 5. Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Môi trường quy định về phân

						cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng.
2		Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	80 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Mức thu theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; 5. Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng; 6. Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định

						đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.
3		Cấp lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	40 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định được kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; 5. Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng.
4		Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	30 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày).	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường	Mức thu theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

				Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; 5. Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; 6. Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.
5		Điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản	- Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi: 17 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: 30 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Trường hợp một phần diện tích thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; 5. Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại

			cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 15 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có quyết định điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản.			khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng.
6		Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	30 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.
7		Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	30 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long,	Mức thu theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi

			sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; 5. Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.
8		Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	30 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.

				- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.		sản; 5. Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng.
9		Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	70 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Mức thu theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.
10		Cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản	70 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày

			ngày).	hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.		12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường; 5. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
11		Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	40 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Mức thu theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; 5. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận

						thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
12		Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản	(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm; thời hạn giải quyết là 40 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày). (2) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh thay	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; 5. Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

		đổi tên gọi hoặc điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khác quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận; thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận (hồ sơ hợp lệ). (3) Trường hợp một phần diện tích khai thác bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày một phần diện tích khai thác bị công bố là			
--	--	---	--	--	--

			khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.			
13		Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản	40 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; 5. Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.
14		Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	40 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường	Mức thu theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

			dài thêm tối đa 25 ngày)	Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; 5. Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.
15	Cấp đổi Giấy phép khai thác khoáng sản	- Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản; thời hạn giải quyết là 70 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; thời hạn giải quyết là 40 ngày	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	-Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: Không quy định. -Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản thì mức thu lệ	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường; 5. Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024; 6. Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày	

			làm việc. (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)		phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản ; 7. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
16		Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	65 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . - Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định

				trường - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh		chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường; 5. Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; 6. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
17		Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	60 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường; 5. Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn

						bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;
18		Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	30 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 10 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường. 5. Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;
19		Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	50 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 15 ngày).	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn .	Không	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày

				Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.		02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản .;
20		Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	- Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ đối với trường hợp: (1) Quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần; (2) Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản; (3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực. - Trước ngày 31/12/2026 đối với trường hợp quyết	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

			toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản lần đầu theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản và được xác định theo trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác, thu hồi tính đến ngày 30/6/2025.			
21		Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	30 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 10 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Mức thu theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường; 5. Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí

					tận thu khoáng sản	cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; 6. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.
22		Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	18 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Mức thu theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; 5. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.
23		Điều chỉnh Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày

			suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm; thời hạn giải quyết là 18 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày). (2) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh thay đổi tên tổ chức, cá nhân; thời hạn giải quyết là 09 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.		12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; 5. Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.
24		Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	18 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

			giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày)	Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.		Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; 5. Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.
25		Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	18 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày).	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền	Mức thu theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

				quyết định: UBND tỉnh.	động khoáng sản, mức thu lệ phí cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản	5. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; 6. Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.
26		Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	47 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ và thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.
27		Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	(1) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long,	Mức thu theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi

			khoáng sản; thời gian giải quyết là 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày). (2) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 03 ngày).	địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; 5. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.
28		Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	(1) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 25 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ,	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ:	Mức thu theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

			thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày). (2) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 13 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 03 ngày).	https://dichvucong.gov.vn. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	4. Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; 5. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.
29		Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	(1) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 25 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT

		sơ). (2) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 13 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ). (3) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh công suất khai thác trong nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (không tăng trữ lượng hoặc khối lượng đã cấp phép) đối với các mỏ khoáng sản đã có giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV còn hiệu lực phục vụ các dự án, công trình	quyết định: UBND tỉnh.		ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.
--	--	--	-------------------------------	--	---

			quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình, hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công; thời hạn thẩm định là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).			
30		Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	27 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC:	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ

				- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.h		Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản 5. Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.
31		Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	09 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản
32		Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	17 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

			cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).	Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.		3. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản
33		Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.

34		Chấp thuận thăm dò tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV	40 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 4. Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.
35		Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV	40 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

				quyết định: UBND tỉnh.		
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
1		Cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	47 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã.	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản
2		Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã.	Không	1. Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; 2. Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; 3. Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản

						trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản.
--	--	--	--	--	--	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	1.005408.000.00.00.H61	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	1.004481.000.00.00.H61	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của	Sở Nông nghiệp và Môi trường

			Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng.	
3	2.001814.000.00.00.H61	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	1.004446.000.00.00.H61	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

5	1.004434.000.00 .00.H61	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	1.004433.000.00 .00.H61	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

7	2.001787.000.00 .00.H61	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	1.004367.000.00 .00.H61	Đóng cửa mỏ khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	2.001783.000.00 .00.H61	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	2.001781.000.00 .00.H61	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

			- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.	
11	1.004345.000.00 .00.H61	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
12	1.004343.000.00 .00.H61	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;	Sở Nông nghiệp và Môi trường
13	2.001777.000.00 .00.H61	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

			- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.	
14	1.004135.000.00.00.H61	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
15	1.004132.000.00.00.H61	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

		trình độ) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.	
16	1.004083.000.00.00.H61	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
17	1.000778.000.00.00.H61	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
18	1.013321.H61	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

			- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.	
19	1.013322.H61	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
20	1.013323.H61	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
21	1.013324.H61	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy	Sở Nông nghiệp và Môi trường

			định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.	
22	1.013326.H61	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
23	1.013325.H61	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 TTHC)

1. Tên thủ tục: Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân sử dụng đất đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

Khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện việc nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

- Bước 2. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản và kiểm tra tại thực địa;

+ Trong thời hạn không quá 25 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi, phương pháp thu hồi, kế hoạch thu hồi và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi, phương pháp thu hồi, kế hoạch thu hồi và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản.

* Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện. Thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

- Bước 3: Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản:

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ký giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản. Trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Trả kết quả giải quyết:

Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua một trong các hình thức trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lần đầu trước khi nhận giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Bản chính Bản đăng ký thu hồi khoáng sản (Mẫu số 03 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản sao y Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có);

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 47 ngày làm việc (không tính thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện).

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cơ quan chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 06 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 03 Phụ lục III: Bản đăng ký thu hồi khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Người sử dụng đất chỉ được thu hồi khoáng sản khi bắt buộc phải san gạt, đào đắp bề mặt địa hình tạo mặt bằng xây dựng các hạng mục của công trình đó.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.

Mẫu số 03 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.... năm

Bản đăng ký thu hồi khoáng sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân(tên cấp xã).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Căn cước công dân số

Đề nghị cho phép thu hồi khoáng sản(tên khoáng sản)..... trong quá trình thực hiện cải tạo, xây dựng công trình trên đất(Tên loại đất ở, đất nông nghiệp).....

Diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản là..... (ha, m², km²), tại vị trí

Khối lượng khoáng sản đề nghị thu hồi: (tấn, m³,...)

Thời gian thu hồi: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm....

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND ...(Tên cấp xã)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../XN-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

BẢN XÁC NHẬN

**Đăng ký thu hồi khoáng sản từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình
trên thửa đất**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ...(Tên cấp xã)...

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Xét hồ sơ đề nghị thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án.....(Tên dự án)..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên tổ chức, cá nhân).....

Theo đề nghị của(Thủ trưởng đơn vị thẩm định hồ sơ).....

XÁC NHẬN:

Điều 1. Xác nhận(Tên tổ chức, cá nhân)..... đã đăng ký thu hồi khoáng sản trong quá trình thực hiện hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất(Tên loại đất ở, đất nông nghiệp, số thửa đất (nếu có))..... với các nội dung chính sau đây:

1. Tên khoáng sản thu hồi:
2. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: khu vực thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....;
3. Không gian thu hồi khoáng sản:
 - a) Diện tích khu vực thu hồi khoáng sản:..... (ha, m², km²).
 - b) Mức sâu thu hồi khoáng sản: (m).

Không gian thu hồi khoáng sản được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo.

4. Khối lượng khoáng sản thu hồi: tấn (m³);

5. Thời gian thu hồi khoáng sản: tháng, kể từ ngày Giấy xác nhận này có hiệu lực.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc thu hồi khoáng sản(Tên khoáng sản)..... theo đúng vị trí, khối lượng, chủng loại nêu trên.

2. Thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản thu hồi thực tế để thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

3. Định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân(Tên cấp xã)..... để tổng hợp, quản lý theo quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường trong quá trình thu hồi khoáng sản.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)..... (bản chính);
- UBND ... (Tên cấp xã) ... (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố) (bản sao);
- Sở NNMT tỉnh (thành phố) (bản sao);
- Lưu:...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND(Tên cấp xã).....

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản ngày... tháng... năm...)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trực ... múi chiều...)</i>	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu thu hồi thấp nhất (m)		

2. Tên thủ tục: Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Nộp hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

Người sử dụng đất thực hiện cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp được phép thu hồi khoáng sản nhóm III, nhóm IV từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã (cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) thông qua một trong các hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn> trong vòng 30 ngày, kể từ thời điểm **giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép thu hồi khoáng sản hết hiệu lực**.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do không tiếp nhận trong phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định của Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính.

Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản dừng quyết toán và trả lại hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

- Bước 3. Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

+ Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ, cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản có trách nhiệm quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trường hợp quyết toán khi giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép thu hồi khoáng sản hết hiệu lực.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

Bản kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
+ Bản chính văn bản đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

+ Bản chính bản kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 05 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

+ Bản chính báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng, khối lượng khoáng sản được phép khai thác còn lại hàng năm trong kỳ quyết toán: Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III hoặc Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV hoặc Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác tận thu khoáng sản hoặc Báo cáo định kỳ hoạt động thu hồi khoáng sản (Mẫu số 05, 06, 07 và Mẫu số 08 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ đối với đối với các trường hợp:

(1) Quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần;

(2) Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản; (3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cơ quan chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.

- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 06 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu số 04 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Mẫu số 05 - Phụ lục II: Bảng kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Mẫu số 08 - Phụ lục IV: Báo cáo định kỳ hoạt động thu hồi khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Mẫu số 04 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

Số:/.....

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN
TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền quyết toán).....

Tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán:

Mã số thuế:.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:....., Fax.....

Được phép khai thác(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ)
thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác
khoáng sản số ngày.... tháng năm do(Tên cơ quan cấp giấy
phép khai thác khoáng sản)..... cấp.

Đề nghị được quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ
khoáng sản nêu trên với các nội dung như sau:

I. Thông tin về quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm.....
2. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản) được phê duyệt: đồng.
3. Số tiền phải nộp trong kỳ quyết toán: đồng.
4. Số tiền đã nộp trong kỳ quyết toán: đồng.
5. Số tiền còn nợ trong kỳ quyết toán: đồng.
6. Sản lượng khai thác thực tế trong kỳ quyết toán (quy đổi ra khoáng sản nguyên khai):..... (tấn, m³).
7. Dự tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán: đồng.

8. Chênh lệch giữa số tiền quyết toán với số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt: đồng.

II. Tài liệu kèm theo

1. Bản kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
2. Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên hàng năm trong kỳ quyết toán.
3. Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản hàng năm trong kỳ quyết toán./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tên tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN QUYẾT TOÁN
TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền quyết toán).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán:
2. Mã số thuế:
3. Trụ sở tại:
4. Người đại diện theo pháp luật:
5. Điện thoại:, Fax:

II. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản

1. Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm.....
2. Cơ quan cấp giấy phép:
3. Khoáng sản được phép khai thác:
4. Phương pháp khai thác: (lộ thiên, hầm lò).
5. Diện tích khu vực khai thác: (m², ha, km²).
6. Trữ lượng được phép khai thác: (tấn, m³).
7. Công suất khai thác: (tấn/năm; m³/năm; m³/ngày-đêm).
8. Thời hạn giấy phép khai thác: (tháng, năm).
9. Vị trí mỏ:

II.2. Thông tin về quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản):đồng; được phê duyệt tại Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm....., phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm....., phê duyệt bổ sung tại Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm..... của(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, phê duyệt bổ sung).....).

2. Kết quả thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong kỳ

quyết toán:

STT	Thời gian (trong kỳ quyết toán)	Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				Tiền phạt chậm nộp (nếu có)	Ghi chú
		Số nộp thừa chuyển từ kỳ trước	Số được thông báo hàng năm	Số đã nộp	Số còn nợ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Năm....						
2	Năm....						
3	Năm....						
4	Năm....						
5	Năm....						
	Tổng cộng						

3. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong kỳ quyết toán:

TT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng khoáng sản đã khai thác		Sản lượng quy đổi ra khoáng sản nguyên khai		Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong tinh quặng, sản phẩm sau chế biến	Ghi chú
		Đơn vị tính	Sản lượng	Đơn vị tính	Khối lượng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Năm.....								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								
2	Năm.....								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								

...									
	Tổng cộng								
	Khoáng sản ..								
	Khoáng sản ..								

Lưu ý:

a) Cột 7, 8, 9 chỉ áp dụng đối với khoáng sản thuộc mục 1, mục 2 phần I của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày thángnăm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

b) Số liệu, thông tin về sản lượng khai thác thực tế được tổng hợp từ sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày thángnăm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản. Số liệu được tổng hợp từ nguồn nào cần được ghi chú rõ trong cột số 10.

c) Trường hợp số liệu trong sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày thángnăm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản có sự chênh lệch quá 10% so với số liệu trong sổ theo dõi, thống kê quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, thu hồi khoáng sản phải có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về giải trình của mình.

4. Dự tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán: đồng.

5. Chênh lệch giữ số tiền quyết toán với số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt: đồng.

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán)..... cam kết số liệu kê khai là đúng và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngày.....tháng.....năm 20...

Tên tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08 - Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THU HỒI KHOÁNG SẢN NĂM**

Kính gửi:

I. PHẦN CHUNG

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên:.....
 - Năm sinh:
 - Trình độ chuyên môn:.....

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THU HỒI KHOÁNG SẢN

II.1. Giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản số:..... ngày..... tháng..... năm.....

A. Thông tin chung về giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép thu hồi:
2. Cơ quan cho phép thu hồi:
3. Diện tích khu vực thu hồi khoáng sản:(ha, m², km²).
4. Phương pháp thu hồi khoáng sản:..... (lộ thiên, hầm lò).
5. Mức sâu thu hồi khoáng sản: m.
6. Khối lượng khoáng sản được phép thu hồi:..... (tấn, m³).

7. Thời hạn thu hồi khoáng sản:(tháng, năm).
8. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: khu vực.....,(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....
9. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản(VND).
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền).....

B. Hoạt động khai thác tận thu khoáng sản

1. Sản lượng khoáng sản thu hồi thực tế:
- Trong năm báo cáo: (tấn, m³).
 - Từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: (tấn, m³).
2. Khối lượng khoáng sản được phép thu hồi còn lại: (tấn, m³).
3. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã thu hồi trong năm báo cáo: (tấn, m³).
 - Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã thu hồi từ khi bắt đầu thu hồi đến hết năm báo cáo:..... (tấn, m³).
 - Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến trong năm báo cáo (nếu có):..... (tấn, m³).
 - Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau công đoạn chế biến trong năm báo cáo (nếu có): (tấn, m³).
 - Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được trong năm báo cáo (nếu có): (tấn, m³).
4. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm báo cáo:... (tấn, m³).
- Trong đó, khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): (tấn, m³).
5. Tổng doanh thu trong năm báo cáo: (VND).
6. Nộp ngân sách Nhà nước trong năm báo cáo:(VND).
- Trong đó:
- Thuế tài nguyên: (VND).
 - Thuế xuất khẩu khoáng sản(VND).
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:..... (VND).
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND).

- Thuế bảo vệ môi trường:(VNĐ).
- Khác (nếu có):.....(VNĐ).

D. Đánh giá chung

.....

.....

.....

II.2. Giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản số:..... ngày..... tháng..... năm

Nội dung báo cáo như Mục II.1 nêu trên

.....

.....

.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN THÔNG BÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

THÔNG BÁO

**Quyết toán số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc
.....(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....
Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm**

Kính gửi:(Tên Chi cục thuế khu vực).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (thành phố).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số/GP-..... ngày tháng..... năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép).....¹;

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số/GXN -..... ngày tháng..... năm của(Tên cơ quan cấp giấy xác nhận).....²;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng..... năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....) về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản³;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản,(Tên cơ quan quyết toán tên cấp quyền khai thác khoáng sản)..... thông báo cho Chi cục Thuế khu vực..... nội dung quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... như sau:

¹ Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

² Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

³ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

TT	Thời gian	Số tiền thông báo nộp hàng năm (đồng)	Số tiền quyết toán (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Ghi chú
1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
	Năm.....				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				
	Năm.....				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				
					
	Tổng cộng				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				

Số tiền tổ chức, cá nhân phải nộp bổ sung là⁴:đồng.
(Tên cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)..... đề nghị(Tên Chi cục Thuế khu vực.....)..... thông báo để(Tên tổ chức, cá nhân quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)..... thực hiện việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Số tiền thông báo thừa so với số tiền quyết toán là: đồng.
(Tên cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)..... thông báo để(Chi cục Thuế khu vực...)..... biết và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-(Tên tổ chức, cá nhân)... (để thực hiện);
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Chi cục Thuế khu vực..... (để phối hợp);
- UBND tỉnh (thành phố) (để báo CÁO);
- Bộ NNMT⁵ (để báo cáo);
- Cục ĐCKS⁶ (để biết);
- Lưu: HS, VT.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN THÔNG BÁO**
(Ký tên, đóng dấu)

⁴ Chỉ áp dụng nếu số chênh lệch tại cột số 5 là lớn hơn 0

⁵ Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

⁶ Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường